|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SỞ DG & ĐT QUẢNG NAM  **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**  *(Đề thi có \_\_02\_ trang)* | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025  MÔN: ĐỊA LÍ 10**  *Thời gian làm bài: 45 (không kể thời gian phát đề)* | | |
| Họ và tên: ............................................................Lớp: 10/… | | Số báo danh: ......... |  |

**ĐỀ: 103**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 3 ĐIỂM )**

**Câu 1:** Đặc điểm của ngành dịch vụ là

**A.** nhiều loại sản phẩm lưu giữ được. **B.** sản phẩm phần lớn là phi vật chất.

**C.** sự tiêu dùng xảy ra trước sản xuất. **D.** hầu hết các sản phẩm đều hữu hình.

**Câu 2:** Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

**A.** thúc đẩy nhiều ngành phát triển. **B.** làm thay đổi phân công lao động.

**C.** tạo việc làm mới, tăng thu nhập. **D.** khai thác hiệu quả các tài nguyên.

**Câu 3:** Nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự đa dạng của các ngành công nghiệp là

**A.** vốn và thị trường. **B.** liên kết và hợp tác. **C.** tài nguyên thiên nhiên. **D.** vị trí địa lí.

**Câu 4:** Chức năng của giao thông vận tải là

**A.** con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.

**B.** những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.

**C.** chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.

**D.** các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

**Câu 5:** Ưu điểm của ngành vận tải đường ô tô là

**A.** vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.

**B.** rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.

**C.** trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.

**D.** tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình.

**Câu 6:** Quy mô dân số của một quốc gia là

**A.** tổng số dân của quốc gia. **B.** số người trên diện tích đất.

**C.** mật độ trung bình dân số. **D.** số dân quốc gia ở các nước.

**Câu 7**. Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực có thể phân loại thành

**A.** Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, trong nước. **B.** Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, ngoài nước.

**C.** Kinh tế - xã hội, trong nước, ngoài nước.  **D.** Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

**Câu 8:** Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm

**A.** trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản. **B.** nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

**C.** trồng trọt, lâm nghiệp, thuỷ sản. **D.** chăn nuôi, lâm nghiệp, thuỷ sản.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm, mục đích của hình thức trang trại trong nông nghiệp?

**A.** Mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa. **B.** Mục đích chủ yếu là tự cung và tự cấp.

**C.** Không thuê lao động. **D.** Quy mô sản xuất nhỏ.

**Câu 10:** Vai trò của công nghiệp đối với các ngành kinh tế là

**A.** khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên. **B.** làm thay đổi sự phân công lao động.

**C.** thúc đẩy sự phát triển của các ngành. **D.** giảm chênh lệch về trình độ phát triển.

**Câu 11:** Công nghiệp điện tử - tin học là ngành cần

**A.** nhiều diện tích rộng. **B.** nhiều kim loại, điện. **C.** lao động trình độ cao. **D.** tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 12:** Nguồn năng lượng sạch gồm

**A.** năng lượng mặt trời, sức gió, địa nhiệt. **B.** năng lượng mặt trời, sức gió, than đá.

**C.** năng lượng mặt trời, sức gió, dầu khí. **D.** năng lượng mặt trời, sức gió, củi gỗ.

**PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI ( 2 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

*Dịch vụ là những hoạt động nhằm thoả mãn các nhu cầu trong sản xuất và đời sống của con người. Cơ cấu của ngành dịch vụ rất đa dạng và phức tạp, là ngành có vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế của các quốc gia.*

**a)** Dịch vụ góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

**b)** Dịch vụ là ngành tạo ra những sản phẩm vật chất cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế và cung cấp lượng hàng tiêu dùng phong phú.

**c)** Do sự phát triển của khoa học – công nghệ đã làm xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới như: viễn thông, thương mại điện tử, chuyển giao công nghệ…

**d)** Ở các nước phát triển, ngành dịch vụ thường chiếm tỉ trọng rất cao và ngày càng tăng trong cơ cấu nền kinh tế.

**Câu 2**. Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2010** | **2015** | **2019** |
| Dầu mỏ *(triệu tấn)* | 3 605,5 | 3 983,4 | 4 362,9 | 4 484,5 |
| Điện *(tỉ KWh)* | 1 555,3 | 21 570,7 | 24 266,3 | 27 004,7 |

**a)** Từ năm 2000 đến năm 2019, sản lượng dầu mỏ của thế giới có xu hướng tăng.

**b)** Giai đoạn 2000 - 2019, sản lượng điện của thế giới có xu hướng giảm.

**c)** Sản lượng điện nhỏ nhất vào năm 2000.

**d)** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn 2000 - 2019 là biểu đồ tròn.

**PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN ( 2 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ VÀ DOANH THU DU LỊCH QUỐC TẾ THẾ GIỚI,

GIAI ĐOẠN 1990 - 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Sản phẩm** | **1990** | **2000** | **2010** | **2019** | **2020** |
| Khách du lịch *(triệu lượt người)* | 438 | 673 | 809 | 1 466 | 402 |
| Doanh thu du lịch *(triệu USD)* | 271 000 | 496 000 | 977 000 | 1 466 000 | 533 000 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn/)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính chi tiêu bình quân của khách du lịch quốc tế thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA TRUNG BÌNH

CỦA ĐƯỜNG SẮT Ở VIỆT NAM NĂM 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương tiện vận tải** | **Khối lượng vận chuyển** *(triệu tấn)* | **Khối lương luân chuyển** *(triệu tấn.km)* |
| Đường sắt | 5,2 | 3818,9 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn/)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cự li vận chuyển trung bình của đường sắt nước ta năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)

**Câu 3.** Biết trữ lượng dầu mỏ toàn thế giới là 244,5 tỉ tấn, trữ lượng dầu mỏ của châu Á là 123,8 tỉ tấn. Tính tỉ trọng trữ lượng dầu mỏ của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1990 - 2020 *(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** |
| Sản lượng dầu mỏ | 3157,9 | 3598,3 | 3978,6 | 4165,1 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn/)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của thế giới năm 2020 so với năm 1990 (coi sản lượng năm 1990 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

PHẦN IV : TỰ LUẬN ( 3 ĐIỂM )

Câu 1: Trình bày tác động của dịch vụ đến sản xuất? **( 2 điểm )**

Câu 2: Tại sao châu Âu và Đông Bắc Hoa Kì mạng lưới đường sắt có mật độ cao? **( 1 điểm )**

…………………………………………………..Hết …………………………………………………….